

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH THANH HÓA**

- TH nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T ; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H , sinh năm 1977, địa chỉ: thôn H1, xã X, huyện T , tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Huy K , sinh năm 1975, địa chỉ: thôn Th, xã X, huyện T , tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K tự nguyện tìm hiểu, yêu thương lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký K hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 10/8/1998. Sau khi K hôn vợ chồng chung sống cùng bố

mẹ chồng nhưng ăn riêng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh K không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con, nên tình cảm giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh K hay bới chửi, xúc phạm và đánh đập chị. Do không thể chịu đựng được tính cách của anh K nên từ tháng 2 năm 2013 chị đã về nH mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Kim O, sinh ngày 01/10/1999; hiện nay đã trưởng tH nh và đang ở với chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đỗ Huy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K xác nhận việc vợ chồng K hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục và đăng ký K hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T vào ngày 10/8/1998. Sau khi K hôn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp. Đến năm 2003 thì chị H đã tự ý đưa con về nH mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh K xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Kim O, sinh ngày 01/10/1999; hiện nay đang ở với chị H. Con chung đã trưởng tH nh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh K xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 27/8/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Chị Lê Thị H và anh Đỗ Huy K có đăng ký K hôn tại UBND xã X. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, đến năm 2003 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng chính quyền địa phương đã khuyên giải vợ chồng, nhưng tình cảm giữa vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ năm 2003 vợ chồng đã ly thân đến nay. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Kim O, sinh ngày 01/10/1999, hiện đã tH nh niên và đang ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình, Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đỗ Huy K. Về con chung: Không xem xét. Về tài sản và công

nợ: Không xem xét. Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào K quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đỗ Huy K , cư trú tại: xã X, huyện T , tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến H nh xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Đỗ Huy K tự nguyện K hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận K hôn vào ngày 10/8/1998, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp. Sau khi K hôn tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp và bất đồng trong sinh hoạt gia đình, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng, nên từ năm 2013 anh chị đã sống ly thân đến nay không còn qua lại quan tâm, tình cảm với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; tại bản tự khai ngày 31/7/2020 anh K cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh K không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh K không có thiện chí H n gắn mỗi quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H , xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đỗ Huy K .

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Đỗ Huy K đều xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Kim O , sinh ngày 01/10/1999; hiện nay đang ở với chị H . Con chung đã trưởng tH nh nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Lê Thị H và anh Đỗ Huy K đều xác định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đỗ Huy K .

2. *Về con chung:* Chị Lê Thị H và anh Đỗ Huy K có 01 (một) con chung là Đỗ Kim O , sinh ngày 01/10/1999. Hiện con chung đã tH nh niên và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chì Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006130 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi H nh án dân sự huyện T . Chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến